

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 Triệu đồng	2022 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	496.527	502.590
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14.823.136	14.196.449
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	74.539.227	110.224.228
Tiền gửi tại các TCTD khác	73.384.227	108.840.548
Cho vay các TCTD khác	1.155.000	1.383.680
Chứng khoán kinh doanh	208.083	-
Chứng khoán kinh doanh	210.168	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(2.085)	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	61.281
Cho vay khách hàng	65.798.313	62.515.074
Cho vay khách hàng	66.512.752	63.128.276
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(714.439)	(613.202)
Chứng khoán đầu tư	6.574.288	9.495.797
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	6.574.288	9.495.797
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	-
Tài sản cố định	111.149	112.047
Tài sản cố định hữu hình	89.213	95.981
Nguyên giá tài sản cố định	261.063	237.407
Hao mòn tài sản cố định	(171.850)	(141.426)
Tài sản cố định vô hình	21.936	16.066
Nguyên giá tài sản cố định	41.353	29.226
Hao mòn tài sản cố định	(19.417)	(13.160)
Tài sản có khác	1.549.393	1.506.709
Các khoản phải thu	653.017	592.005
Các khoản lãi, phí phải thu	711.936	734.943
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	15.561	21.648
Tài sản có khác	168.879	158.113
TỔNG TÀI SẢN CỐ	164.100.116	198.614.175
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.769.735	2.198.482
Tiền gửi của các TCTD khác	1.719.981	1.998.180
Vay các TCTD khác	49.754	200.302
Tiền gửi của khách hàng	135.877.387	175.516.105
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9.762	-
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.000	2.098.581
Các khoản nợ khác	4.500.294	2.823.850
Các khoản lãi, phí phải trả	220.202	97.556
Các khoản phải trả và công nợ khác	4.280.092	2.726.294
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	145.157.178	182.637.018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	18.942.938	15.977.157
Vốn của TCTD	7.528.000	7.528.000
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Quý của TCTD	4.292.819	3.514.460
Lợi nhuận chưa phân phối	7.122.119	4.934.697
Lợi nhuận năm nay	4.410.701	3.145.408
Lợi nhuận lũy kế năm trước	2.711.418	1.789.289
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	164.100.116	198.614.175

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	2023	2022
Cam kết giao dịch hối đoái	50.906.591	42.763.347
Cam kết mua ngoại tệ	6.346.389	6.314.554
Cam kết bán ngoại tệ	6.364.119	6.283.251
Cam kết giao dịch hoán đổi	38.196.083	30.165.542
Cam kết cho vay không hủy ngang	4.097.168	2.460.218
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	13.374.356	11.139.038
Bảo lãnh khác	9.026.430	9.584.994
Các cam kết khác	-	8.975.003
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	149.479	137.787
Nợ khó đòi đã xử lý	599.333	527.389

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 Triệu đồng	2022 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.818.499	5.290.420
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(853.020)	(274.057)
Thu nhập lãi thuần	7.965.479	5.016.363
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.384.945	1.238.410
Chi phí hoạt động dịch vụ	(468.791)	(390.358)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	916.154	848.052
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	775.489	1.278.367
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	13.505	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	4.516
Thu nhập từ hoạt động khác	173.981	199.262
Chi phí từ hoạt động khác	(65.869)	(8.177)
Lãi thuần từ hoạt động khác	108.112	191.085
Chi phí hoạt động	(3.052.614)	(2.695.645)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.726.125	4.642.738
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(212.282)	(10.386)
Tổng lợi nhuận trước thuế	6.513.843	4.632.352
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.318.696)	(932.829)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.087)	957
Chi phí thuế TNDN	(1.324.783)	(931.872)
Lợi nhuận sau thuế	5.189.060	3.700.480

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

GỬI CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 21 tháng 3 năm 2024, từ trang 3 đến trang 11, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên và Các chỉ tiêu tài chính cơ bản được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính đầy đủ này và Báo cáo tài chính tóm tắt không phân ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh trong Báo cáo tài chính đầy đủ cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Do đó, việc đọc Báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc Báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tóm tắt

Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tóm tắt theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

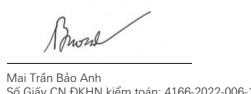
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo - được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng đã được kiểm toán - phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)


Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHKH kiểm toán: 0849-2023-006-1
Chức vụ được ủy quyền


Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHKH kiểm toán: 4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14699
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 Triệu đồng	2022 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.864.953	5.048.446
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(728.955)	(211.826)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	919.691	846.887
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	791.079	1.278.302
Thu nhập khác	68.600	127.298
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	31.804	60.189
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.025.960)	(2.575.408)
Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(1.329.234)	(679.132)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG	5.591.978	3.894.756
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	228.680	(258.680)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(286.611)	1.787.802
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	61.281	(13.983)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(3.384.476)	(8.146.687)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(111.045)	(182.306)
Tăng khác về tài sản hoạt động	(47.239)	(299.582)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	(428.747)	17.735
(Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng	(39.638.718)	29.411.884
Tăng phát hành giấy tờ có giá	900.000	1.499.325
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9.762	-
Tăng khác về công nợ hoạt động	108.416	576.247
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(36.996.719)	28.286.511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(45.986)	(36.436)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13	41
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(45.973)	(36.395)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(790.957)	(693.397)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(790.957)	(693.397)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	(37.833.649)	27.556.719
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	126.537.539	98.980.820
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	88.703.890	126.537.539

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quý dự phòng tài chính Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.528.000	1.020.257	1.939.131	2.580.246	13.067.634
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.700.480	3.700.480
Chia lợi nhuận (*)	-	-	-	(790.957)	(790.957)
Trích lập các quỹ	-	185.024	370.048	(555.072)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.528.000	1.205.281	2.309.179	4.934.697	15.977.157
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.189.060	5.189.060
Chia lợi nhuận (**)	-	-	-	(2.223.279)	(2.223.279)
Trích lập các quỹ	-	259.453	518.906	(778.359)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.528.000	1.464.734	2.828.085	7.122.119	18.942.938

(*) Hối đồng thành viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 vào ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Theo đó, số lợi nhuận phân phối là 790.957 triệu đồng, được chuyển về Ngân hàng mẹ vào ngày 21 tháng 2 năm 2023.

(**) Hối đồng thành viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 vào ngày 4 tháng 8 năm 2023.

TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

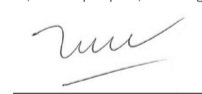
	2023 Triệu đồng	2022 Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	1.317	1.284
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương	819.617	768.841
Lương bổ sung	222.669	175.540
Thu nhập khác	68.717	63.021
	1.111.003	1.007.402
Tiền lương bình quân/ người/ năm	622	599
Thu nhập bình quân/ người/ năm	844	785

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	31.12.2023 Triệu đồng, %	31.12.2022 Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	164.100.116	198.614.175
Nợ quá hạn	919.136	526.351
Nợ xấu	386.096	216.730
Tỷ lệ an toàn vốn	18,38%	15,22%
Tỷ lệ dự nợ cho vay so với tổng tiền gửi	46,99%	35,01%
Số dư nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,68%	0,31%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	0,28%	0,13%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	55,80%	61,78%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn	-6,02%	-1,27%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bằng đồng Việt Nam	-1.176,36%	256,88%
- Bằng ngoại tệ	276,94%	562,32%
Hệ số sử dụng vốn (ROE)	29,72%	25,48%
	2023 Triệu đồng	2022 Triệu đồng
Doanh số huy động tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá	4.820.023.671	6.217.690.637
Doanh số cho vay	192.433.404	202.116.707
Doanh số thu nợ	189.099.751	192.287.829

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2024.


Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát Tài chính


Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng


Timothy Mark Redvers Evans
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật